SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 14/01/2022 11:11:49

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 54 /QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 14 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 7 dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 39/2016/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1194/QĐ-UBND ngày 3/10/2018 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất cho 03 dự án tại thành phố Lai Châu và 02 dự án tại huyện Tam Đường;

Căn cứ Quyết định số 778/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh thuộc địa bàn thành phố Lai Châu (Bổ sung loại đất);

Căn cứ Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án trên địa bàn huyện Mường Tè và 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 19/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc Phê duyệt giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất cho 04 dự án trên địa bàn huyện Mường Tè và 04 dự án trên địa bàn thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-UBND ngày 16/4/2021của UBND tỉnh Lai Châu V/v Ban hành Quy định về hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; diện tích, kích thước tối thiểu được tách thửa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1152/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố Lai Châu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 2245/QĐ-UBND ngày 09/11/2018 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 369/QĐ-UBND ngày 19/03/2019 của UBND thành phố Lai Châu V/v Ban hành Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 25/TTr-TNMT ngày 12/01/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 7 dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường hỗ trợ chủ đầu tư phải chi trả bổ sung là: **118.406.831 đồng**.

(Bằng chữ: Một trăm mười tám triệu bốn trăm linh sáu nghìn tám trăm ba mươi mốt đồng).

Trong đó:

- Chi trả cho chủ sở hữu:	**118.406.831 đồng**
+ Bồi thường về đất:	5.798.520 đồng
+ Tài sản, vật kiến trúc:	94.766.711 đồng
+ Chính sách hỗ trợ:	17.841.600 đồng

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Nguồn kinh phí chi trả, thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất.

- Nguồn kinh phí chi trả: Lấy từ nguồn vốn của dự án.

- Thời gian chi trả tiền bồi thường và thời hạn bàn giao đất: Thực hiện theo Điều 24 Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Kinh tế, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban Quản lý dự án thành phố Lai Châu; Chủ tịch UBND các phường: Tân Phong, Đông Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các hộ gia đình có tên trong phương án bồi thường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (thay b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Văn Xiêng

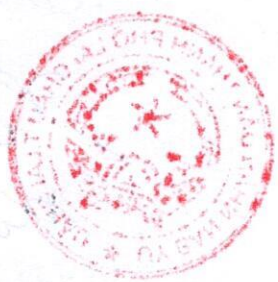

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ BỔ SUNG LẦN 7

Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

(Kèm theo Quyết định số: 54 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 01 năm 2022 của UBND thành phố Lai Châu)

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	7	8	9=7*8
A	**Tổng cộng**				**118.406.831**
I	**Chi trả cho chủ sở hữu**				**118.406.831**
1	*Về đất*				5.798.520
2	*Về tài sản vật kiến trúc*				94.766.711
3	*Về chính sách hỗ trợ*				17.841.600
B	**Chi tiết cho các hộ dân**				**118.406.831**
	Phường Tân Phong				
1	**Hộ gia đình ông Nguyễn Quang Hưng (Phúc tra bổ sung diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)**				
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b)				**23.640.120**
a	***Về đất (bằng 2.1-2.2)***				***5.798.520***
1	Diện tích thu hồi	m^2	165,2		
2	Loại đất				
2.1	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	m^2	165,2	36.000	5.947.200
2.2	Truy thu nghĩa vụ tài chính (gia đình chưa làm đăng ký biến động theo quy định)	m^2	165,2	900	148.680
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: Đất ông Nguyễn Quang Hưng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Vàng Thị Cố tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 28 quyển số 01 -SCT/HĐGD ngày 03/10/2018 gia đình chưa đăng ký biến động đất đai. Đất của bà Cố được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BQ 327 288 ngày 06/6/2014. Hiện gia đình ông Hưng sử dụng ổn định không tranh chấp với ai.				
b	**Về chính sách hỗ trợ**				**17.841.600**
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (theo quy định tại Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu), mức hỗ trợ bằng 3 lần giá đất bằng trồng cây hàng năm khác	đồng/ hộ	165,2	108.000	17.841.600
2	**Hộ gia đình ông Nguyễn Quang Hưng (Phúc tra bổ sung về tài sản vật kiến trúc đã được phê duyệt tại quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu)**				
	Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	7	8	9=7*8
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (bằng a)				**94.766.711**
a	***Về tài sản vật kiến trúc (bằng a2-a1)***				***94.766.711***
a1	**Truy thu lại các hạng mục tài sản đã phê duyệt tại Quyết định 1624/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu**				***38.051.244***
1	Ao đào bằng máy 3* 626,4 m^2 x70% đào bằng máy	m^3	1.315,4	3.850	5.064.444
2	Kè đá xây (bờ ao) (50*3*0,6)	m^3	90,0	196.350	17.671.500
3	Kè đá xây chân bờ ao (1*1*78)	m^3	78,0	196.350	15.315.300
a2	**Tài sản vật kiến trúc hỗ trợ điều chỉnh bổ sung**				***132.817.955***
1	Ao đào không phân biệt cấp đất 3*506,3m2 x70% sai mục đích sử dụng đất hỗ trợ bằng 50% đơn giá	m^3	1.063,2	29.150	30.993.155
2	Xây đá hộc VXM (giữ đất đúng mục đích sử dụng đất) (50*3*0,6)	m^3	90,0	606.100	54.549.000
3	Xây đá hộc VXM (giữ đất đúng mục đích sử dụng đất) (1*1*78)	m^3	78,0	606.100	47.275.800